

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-PT

Ngày: 27/3/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T1 Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 02 và 27 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2022/TLPT-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2022 về: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐPT-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Giang Văn H, sinh năm 1983. Có mặt

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã Bình An, huyện C, tỉnh K.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông H là: Ông Nguyễn D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 36 Hùng Vương, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố R, tỉnh K.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1979. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2.2. Bà Thị T1, sinh năm 1979. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp An Bình, xã Minh H, huyện C, tỉnh K.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (HD Bank).

Địa chỉ: Tòa nhà HD Bank Tower, 25 Biss Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố H.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Quốc T2, chức vụ: Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Xuân Đ, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, Chi nhánh C - K. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Trần Thị Bích T3, sinh năm 1984 (vợ ông H). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã Bình An, huyện C, tỉnh K.

4. Người kháng cáo: Ông Giang Văn H - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo nguyên đơn ông Giang Văn H trình bày:** Vào năm 2018 bà Thị T1 không có tiền trả tiền nợ Ngân hàng nên Ngân hàng đòi phát mãi tài sản thế chấp để T1 hồi nợ. Do đó, bà T1 đến gặp ông để kêu ông nhận chuyển nhượng diện tích đất của bà T1 để lấy tiền trả nợ cho Ngân hàng vì nếu để Ngân hàng phát mãi thì sẽ bị lỗ. Ông H thống nhất mua với giá 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) ông H đưa tiền cho bà T1 trả nợ cho Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Ngân hàng về để làm thủ tục sang tên cho ông. Đến ngày 26/10/2018 ông và bà T1 có cùng nhau đến Văn Phòng công chứng Phạm Thị H1 để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BG 841609, thửa đất 251, bản đồ số 43, diện tích 368,1m², vị trí đất tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện C, tỉnh K. Đến ngày 21/12/2018 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C đánh biên động sang tên cho ông Giang Văn H đứng tên. Nhưng từ khi chuyển nhượng đến nay bà T1 và ông Nguyễn Quốc T không giao cho ông được sử dụng đất và tài sản trên đất mà còn thách thức ông đi thưa.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm ông Giang Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết:* Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H với bà Thị T1 tại Văn Phòng công chứng Phạm Thị H1 là hợp pháp và yêu cầu bà T1, ông T di dời để giao nhà và đất cho ông sử dụng.

- **Theo bị đơn ông Nguyễn Quốc T và bà Thị T1 trình bày:** Vợ chồng ông bà có phần đất T1ộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BG 841609, thửa đất 251, bản đồ số 43, diện tích 368,1m², vị trí đất tại ấp An Bình, xã Minh H, huyện C, tỉnh K, được UBND huyện C cấp ngày 12/7/2012 cho Thị T1 đứng tên. Năm 2012 do cất nhà xong vợ chồng ông bà thiếu vốn kinh doanh nên có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để vay tiền Ngân hàng 80.000.000đ, đến năm 2016 số tiền gốc và lãi lên đến khoảng 130.000.000đồng. Đến tháng 11 năm 2018 vợ chồng ông bà kẹt vốn và không có tiền trả nợ Ngân hàng nên vợ chồng ông bà có vay tiền của ông Giang Văn H số tiền là 240.000.000đ để trả nợ Ngân hàng và làm vốn kinh doanh, hình

thức vay là thế chấp quyền sử dụng đất trên cho ông H, lãi suất thỏa T1 là 5%/tháng, bà T1 đóng lãi cho ông H mỗi tháng 12.000.000đ, bà T1 đóng được 03 tháng với số tiền là 36.000.000đ. Khi bà T1 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thì ông H có yêu cầu bà ra Văn Phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng để làm tin cho ông H nhưng chỉ có bà T1 ký vào hợp đồng chuyển nhượng còn ông Nguyễn Quốc T không có ký. Sau đó khoảng 3 tháng thì bà có mượn thêm của ông H số tiền là 60.000.000đ nữa, tổng cộng trước sau bà T1 vay của ông H số tiền là 300.000.000đ. Bắt đầu từ thời gian này ông H chỉ lấy tiền lãi suất của bà là 3%/tháng, mỗi tháng bà đóng lãi cho ông H 9.000.000đ, đóng từ tháng 03/2019 đến tháng 4/2020, tổng cộng là 126.000.000đ. Còn việc chuyển nhượng đất giữa bà với ông H là không có, đó chỉ là hợp đồng giả cách để che đậy hợp đồng vay tiền. Nay bà T1, ông T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông Giang Văn H tại Văn Phòng công chứng Phạm Thị H1, bà đồng ý trả cho ông H số tiền vay là 300.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ tháng 4/2020 đến nay.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H trình bày: Hiện nay ông Giang Văn H đã tất toán mọi khoản vay tại Ngân hàng và ông H không còn trách nhiệm nghĩa vụ tại Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng không có quyền lợi gì liên quan và cũng không có ý kiến gì trong vụ án này.

2. Bà Trần Thị Bích T3 (là vợ ông H) thống nhất với ý kiến của chồng là ông Giang Văn H, ngoài ra không yêu cầu gì thêm, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt (BL 91).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh K đã xét xử, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giang Văn H về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 26/11/2018.

Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 26/11/2018 giữa ông Giang Văn H với bà Thị T1 là vô hiệu.

Buộc bà Thị T1, ông Nguyễn Quốc T có trách nhiệm trả lại cho ông H số tiền 240.000.000đ.

Buộc ông H có nghĩa vụ giao trả lại giấy CNQSD đất số BG 841609, cấp ngày 02/7/2012 cho bà T1 đứng tên.

Trường hợp ông H không giao trả lại quyền sử dụng đất nêu trên cho bà T1 thì bà T1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền T1 hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để đăng ký cấp lại theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11/10/2022 ông Giang Văn H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Việc chuyển nhượng có ông Phan Minh V chứng kiến nhưng

tòa án chưa xác minh; Đưa chồng bà T1 với tư cách là đồng bị đơn là sai vì nhà đất là cấp cho cá nhân bà T1, ông T không tham gia giao dịch và cũng không ký giấy tờ gì; Việc ký kết hợp đồng là đúng nên Tòa tuyên hợp đồng vô hiệu là không đúng pháp luật.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- *Đại diện nguyên đơn trình bày:* Thay đổi một phần nội dung kháng cáo là yêu cầu bà T1, ông T trả lại số tiền đã nhận (vay gốc) là 300.000.000đ và tiền lãi là 200.000.000đ thì nguyên đơn sẽ sang tên trên giấy chứng nhận lại cho bà T1, ông T.

- *Bị đơn bà T1 trình bày:* Bà đồng ý trả lại cho ông H tổng số tiền vay gốc đã nhận là 300.000.000đ, còn về tiền lãi thì không đồng ý trả trong vụ án này.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án và hướng đề nghị giải quyết: Xác định số tiền ông H giao cho bà T1 ông T là tiền vay, tổng số tiền là 300.000.000đ. Tại cấp phúc thẩm bà T1 đồng ý trả lại cho ông H số tiền gốc đã nhận là 300.000.000đ nên đề nghị ghi nhận, do trong vụ án này ông H không yêu cầu về lãi suất nên ông H sẽ được khởi kiện lãi suất thành vụ án khác. Cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng do giả tạo nhằm che đậy hợp đồng vay là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định ông T là bị đơn là không đúng mà ông T chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên cần rút nghiêm là được. Đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm số 66/2022/DS-ST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với ông T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà Trâm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BL TTDS).

Đối với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có ý kiến về việc trong giai đoạn xét xử sơ thẩm thì ông Giang Văn H đã tắt toán xong các khoản vay tại Ngân hàng. Do đó, tranh chấp giữa ông H với bà T1 không còn liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng. Nên cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 BL TTDS, đồng thời Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cũng có ý kiến không tham gia tố tụng do không có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Đối ông Nguyễn Quốc T là người không bị nguyên đơn khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông T tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 BL TTDS. Đáng lẽ, ông T được xác

định với tư cách tham gia tố tụng là người có quyền, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 BL TTDS, do ông T là chồng của bà T1 mà bà T1 lại thực hiện giao dịch trong thời kỳ hôn nhân, nên việc xác lập giao dịch của bà T1 có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của ông T. Do đó, kháng cáo của ông H về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông T là phù hợp nên được chấp nhận xem xét, tuy nhiên việc thay đổi tư cách tham gia tố tụng của ông T cũng không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, hơn nữa ông T cũng không có khiếu nại và kháng cáo nên không cần thiết hủy bản án sơ thẩm về vi phạm này. Vì vậy cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] *Về nội dung vụ án như sau:* Vào ngày 22/11/2018 giữa ông H với bà T1 lập “*Hợp đồng T1ế chấp – BL 21*”, theo nội dung bà T1 thế chấp cho ông H giấy CNQSD đất và quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 43, diện tích 368,1m²...với số tiền là 240.000.000đ, lãi suất là 5%/tháng. Thời hạn thế chấp là 2 năm từ ngày 22/11/2018 đến 22/11/2020. Đến ngày 26/11/2018 thì giữa bà T1 với ông H có lập “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất – BL 03-05*”, có công chứng của Văn phòng công chứng Phạm Thị H1. Nội dung của hợp đồng thể hiện tài sản chuyển nhượng là nhà đất như nêu trên (Giấy CNQSD đất số BG 841609, cấp ngày 02/7/2012), giá chuyển nhượng là 240.000.000đ, sau khi hợp đồng được ký kết và công chứng có hiệu lực thì ông H sẽ trả đủ số tiền. Đến ngày 21/12/2018 ông H được chỉnh lý biến động sang tên trên giấy CNQSD đất. Thực tế, sau khi bà T1 giao giấy CNQSD đất cho ông H và sau khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng có công chứng thì ông H có giao cho bà T1 đủ số tiền 240.000.000đ. Sau đó, thì bà T1 có vay thêm số tiền 60.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền bà T1, ông T thừa nhận có vay của ông H là 300.000.000đ.

Ngày 02/8/2022 Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo cho ông H khởi kiện bổ sung trong trường hợp bị đơn chứng minh được tranh chấp giữa các bên là hợp đồng vay. Tuy nhiên, ông H không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

[3] *Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Giang Văn H thấy rằng:* Căn cứ theo lời khai của ông H cho rằng việc ông H lập “*Hợp đồng T1ế chấp, ngày 22/11/2018*” là nhằm mục đích cho bà T1 về nói lại với ông T là chỉ thế chấp nhà đất chứ không có chuyển nhượng..., còn việc bà T1 vẫn còn ở trong căn nhà là vì bà T1 xin T1ê lại (BL 51). Xét thấy, lời khai của ông H là không phù hợp. Bởi lẽ, giữa ông H với bà T1 đã xác lập giao dịch về việc bà T1 thế chấp giấy tờ nhà đất cho ông H để vay số tiền 240.000.000đ vào ngày 22/11/2018, tuy nhiên đến ngày 26/11/2018 thì giữa ông H với bà T1 lại tiếp tục lập hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất cũng cùng đối tượng và số tiền như khi các bên thỏa T1ận vay. Ngoài ra, ông H cho rằng cho T1ê lại là thỏa T1ận bằng lời nói nên không có cơ sở chứng minh. Vì lẽ đó, “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, ngày 26/11/2018*” là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản đã được xác lập trước đó. Do đó, giao dịch chuyển nhượng bị vô hiệu theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bà T1 thừa nhận có nhận của ông H số tiền vay là 300.000.000đ chứ không phải là 240.000.000đ và đồng ý trả lại cho ông H tiền gốc là 300.000.000đ, còn tiền lãi thì không đồng ý trả trong vụ án này. Mặt khác, Đại diện theo ủy quyền của ông H cũng có yêu cầu bà T1, ông T trả lại số tiền là 300.000.000đ và tiền lãi là 200.000.000đ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, ý kiến của bà T1 về việc đồng ý trả lại số tiền đã nhận của ông H là 300.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện nên được ghi nhận. Còn đối với tiền lãi, mặc dù bà T1 thừa nhận vay tiền của ông H nhưng không thống nhất trả lãi trong vụ án này và ông H cũng chưa cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền lãi là 200.000.000đ nên không xem xét. Vì vậy, đối với tiền lãi thì ông H có quyền khởi kiện bà T1, ông T thành một vụ án khác trên cơ sở số tiền vay gốc là 300.000.000đ, tiền lãi được tính tương ứng với thời gian vay và số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

[4] Từ những cơ sở, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2022/DS-ST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh K.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Buộc ông Giang Văn H phải nộp và đã thực hiện xong.

[6] *Về án phí dân sự*:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Giang Văn H phải nộp số tiền là 300.000đ đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được chấp nhận.

Buộc bà Thị T1 và ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí với số tiền là 15.000.000đ, do bị buộc trả lại số tiền đã nhận là 300.000.000đ (300.000.000đ x 5%).

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Là 300.000đ. Do kháng cáo của ông Giang Văn H được chấp nhận một phần nên ông H không phải chịu.

Hoàn trả lại cho ông Giang Văn H tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo biên lai T1 số 0009739, ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh K.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều: 124, 131, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1 nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Giang Văn H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh K.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giang Văn H với bị đơn bà Thị T1, ông Nguyễn Quốc T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/11/2018 do ông H và bà T1 ký tại Văn phòng Công chứng Phạm Thị H1 (nay là Văn phòng công chứng Trương Hồng S).

2. Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/11/2018 do ông Giang Văn H và bà Thị T1 ký tại Văn phòng Công chứng Phạm Thị H1 (nay là Văn phòng công chứng Trương Hồng S) là vô hiệu.

3. Buộc bà Thị T1, ông Nguyễn Quốc T có trách nhiệm trả lại cho ông Giang Văn H số tiền là 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc ông Giang Văn H có nghĩa vụ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 841609, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 02/7/2012 do bà Thị T1 đứng tên, thửa đất số 251, tờ bản đồ số 43, diện tích là 368,1m², vị trí đất tại ấp An Bình, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp ông Giang Văn H không giao trả thì bà T1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền T1 hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, để đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. *Về chi phí tố tụng:* Chi phí định giá với số tiền là 5.222.000đ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 396.750 đồng. Ông Giang Văn H phải nộp và đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc ông Giang Văn H phải nộp số tiền là 300.000đ. Theo đó, được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo biên lai T1 số 0006698, ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

Buộc bà Thị T1 và ông Nguyễn Quốc T phải nộp án phí với số tiền là 15.000.000đ.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Hoàn trả lại cho ông Giang Văn H tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo biên lai T1 số 0009739, ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Út Mẫn

Nguyễn Thị Nhiên

Đặng Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- THA dân sự huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân